The Asian International School

THỜI KHÓA BIỂU KHỐI 11 BUỔI SÁNG CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NAM
HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2022-2023

Thứ	Thời gian	Tiết	11/9P509	11/10P506	11/11P505	11/12P511	11/13P504	11/14P512	11/15P503
Hai	7:25 - 8:10	1	Thể dục	Vật lý	Tin học	Ngữ văn	Hóa học	Công nghệ	Tiếng Anh
	8:10 - 8:55	2	TAQT			Tin học	Địa lý	GDQP&AN	Thể dục
	8:55 - 9:40	3				TAQT	Thể dục	Tin học	Sinh học
	9:55 - 10:40	4	Tin học	TAQT			Ngữ văn	Thể dục	Ngữ văn
	10:40 - 11:25	5	TAQT	Thể dục	TAQT		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
Ba	7:10 - 7:55	1	Địa lý	Tiếng Anh	Toán học	Tiếng Anh	Sinh học	Toán học	Tin học
	7:55 - 8:40	2	Toán học	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán học	Lịch sử
	8:40 - 9:25	3	Hóa học	Lịch sử	Tiếng Anh	Địa lý	Toán học	Vật lý	Hóa học
	9:40 - 10:25	4	Vật lý	Vật lý	Địa lý	Lịch sử	Toán học	Sinh học	Toán học
	10:25 - 11:10	5	Tiếng Anh	Vật lý	Hóa học	GDCD	Tin học	Hóa học	Toán học
Tư	7:10 - 7:55	1	Tiếng Anh	Toán học	Vật lý	Tiếng Anh	Vật lý	Sinh học	Ngữ văn
	7:55 - 8:40	2	Hóa học	TAQT			Vật lý	Tiếng Anh	Ngữ văn
	8:40 - 9:25	3	TAQT				Hóa học	Tiếng Anh	GDCD
	9:40 - 10:25	4		GDCD	TAQT		Tiếng Anh	Hóa học	Hóa học
	10:25 - 11:10	5	TAQT			Vật lý	Tiếng Anh	Ngữ văn	Công nghệ
Năm	7:10 - 7:55	1	Tiếng Anh	Hóa học	Hóa học	Toán học	GDQP&AN	Vật lý	Thể dục
	7:55 - 8:40	2	Toán học	Hóa học	Hóa học	Toán học	Toán học	Thể dục	GDQP&AN
	8:40 - 9:25	3	Toán học	Công nghệ	Tiếng Anh	Hóa học	Toán học	Lịch sử	Vật lý
	9:40 - 10:25	4	Vật lý	Toán học	Toán học	Hóa học	Vật lý	Toán học	Địa lý
	10:25 - 11:10	5	Vật lý	Toán học	Toán học	GDQP&AN	GDCD	Toán học	Toán học
Sáu	7:10 - 7:55	1	GDQP&AN	Tiếng Anh	Công nghệ	Hóa học	Ngữ văn	Ngữ văn	Sinh học
	7:55 - 8:40	2	Hóa học	TAQT			Ngữ văn	Ngữ văn	Toán học
	8:40 - 9:25	3	TAQT				Sinh học	Toán học	Hóa học
	9:40 - 10:25	4					Hóa học	GDCD	Tiếng Anh
	10:25 - 11:10	5	Sinh học	GDQP&AN	Tiếng Anh	TAQT	Lịch sử	Địa lý	Tiếng Anh

The Asian International School

THỜI KHÓA BIỂU KHỐI 11 BUỔI CHIỀU CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NAM
HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2022-2023

Thứ	Thời gian	Tiết	11/9P509	11/10P506	11/11P505	11/12P511	11/13P504	11/14P512	11/15P503
Hai	13:10 - 13:55	1	Toán học	Sinh học	Lịch sử	Vật lý	TAQT		
	13:55 - 14:40	2	Toán học	TAQT	Sinh học	Vật lý			
	14:40 - 15:25	3	TAQT	Ngữ văn	Thể dục	Sinh học			
	15:45 - 16:30	4	Sinh học	Ngữ văn	Toán học	Thể dục	Toán học	Hóa học	Vật lý
Ba	13:10 - 13:55	1	TAQT		Ngữ văn	TAQT	TAQT		
	13:55 - 14:40	2			TAQT	Toán học			
	15:00 - 15:45	3	Tiếng Anh	TAQT	Vật lý	Toán học			
Tư	13:10 - 13:55	1	TAQT	Thể dục	Ngữ văn	Công nghệ	TAQT		
	13:55 - 14:40	2		Sinh học	Thể dục	TAQT			
	14:40 - 15:25	3	Ngữ văn	Ngữ văn	Sinh học	Toán học			
	15:45 - 16:30	4	Ngữ văn	Ngữ văn	TAQT	Sinh học	Thể dục	Vật lý	Toán học
Năm	13:10 - 13:55	1	Lịch sử	TAQT	Vật lý	TAQT	TAQT		
	13:55 - 14:40	2	Công nghệ	Tiếng Anh	TAQT				
	15:00 - 15:45	3	TAQT		GDQP&AN	Ngữ văn			
Sáu	13:10 - 13:55	1	Ngữ văn	Toán học	TAQT	Ngữ văn	TAQT		
	13:55 - 14:40	2	Ngữ văn	Toán học	Toán học	Ngữ văn			
	14:40 - 15:25	3	GDCD	Hóa học	Ngữ văn	TAQT			
	15:45 - 16:30	4	TAQT	Tin học	Ngữ văn		Công nghệ	Tiếng Anh	Vật lý